

Bản án số: 82/2023/DS-ST

Ngày 28/8/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tài

Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên tòa có ông Bùi Đức Mậu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 284/73/16 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP.H

2- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mương Kinh, xã Sơn Bình, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Bùi Quốc K trình bày như sau:**

Vào ngày 05/10/2017 ông có cho bà Nguyễn Thúy N vay số tiền 130.000.000 đồng, hẹn 30 ngày trả 1.500.000 đồng, thời gian chậm nhất là 04/3/2021. Sau khi vay bà N mới trả được 3.000.000 đồng tiền lãi rồi không trả nữa và bỏ trốn đến nay.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thúy N có trách Nệm trả cho ông số tiền gốc 130.000.000 đồng, đồng thời trả lãi 20%/năm, tạm tính từ ngày 05/10/2017 đến ngày 04/3/2021 là 40.000.000 đồng – 3.000.000 đồng (lãi đã trả) = 37.000.000 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 167.000.000 đồng.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thúy N:*

Bị đơn hiện tại không có mặt tại địa phương. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà N vẫn vắng mặt nên không có lời khai của bà N tại Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Bùi Quốc K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thúy N có trách Nệm trả cho ông số tiền nợ vay. Phía bị đơn cư trú tại ấp Mương Kinh, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Vào ngày 05/10/2017 bà Nguyễn Thúy N và ông Bùi Quốc K có xác lập giao dịch vay tài sản. Hai bên có lập Hợp đồng kiêm giấy nợ (BL 26), theo đó bà N vay của ông K số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay bà N trả lãi được 3.000.000 đồng rồi ngưng trả đến nay. Hiện nay bà N bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn, không báo với chính quyền địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng niêm yết tại địa phương để giải quyết theo thủ tục chung.

Như vậy, việc bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K. Do đó, nội dung khởi kiện của ông K yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền gốc 130.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Xét về lãi suất: Theo Tờ thỏa thuận, hai bên thỏa thuận lãi suất vay 3%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm nên ông K yêu cầu bà N phải trả lãi 20%/năm tương đương 1,67%/tháng là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi bà N phải chịu tính từ ngày 05/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2023), cụ thể như sau: $130.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 70 \text{ tháng} = 151.970.000 \text{ đồng}$. Trong thời gian vay, bà N trả được tiền lãi 3.000.000 đồng nên được khấu trừ vào số tiền lãi phải trả. Bà N còn phải trả số tiền lãi là $151.970.000 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng} = 148.970.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi bà N phải trả cho ông K là 278.970.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.948.500 đồng.

Ông Bùi Quốc K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc K.

Buộc bà Nguyễn Thúy N có trách Nệm trả cho ông Bùi Quốc K số tiền gốc và lãi là 278.970.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.948.500 đồng (Mười ba triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

- Ông Bùi Quốc K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.175.000 đồng (Bốn triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002183 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

